

Mẫu số 7-PNT
BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: Công ty TNHH Bảo hiểm phi nhân thọ MSIG Việt Nam
 Báo cáo năm 2023* Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu TT 50	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	1,099,814		
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán:	2,275,173	0%	0
a) Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng chỉ tiền gửi, tiền đang chuyển, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.	1,840,721		
b) Tài sản tài bảo hiểm (trừ tài sản tài bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tài bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tài bảo hiểm).	434,452		
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng tương ứng và giá trị hao mòn lũy kế (nếu có) theo quy định của pháp luật:	0		
a) Các tài sản đầu tư (trừ các khoản đầu tư quy định tại điểm g, khoản 4 Mẫu này):	0		
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo	0	1%	0
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có đảm bảo	0	3%	0
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ	0	15%	0
+ Cổ phiếu không được niêm yết	0	20%	0
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng	0	8%	0
+ Đầu tư vào bất động sản để cho thuê	0	15%	0
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu)	0	20%	0
b) Các khoản phải thu:	0		
+ Phải thu phí bảo hiểm qua hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm	0	30%	0
+ Phải thu phí bảo hiểm qua hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	0	50%	0
+ Phải thu tài bảo hiểm quá hạn từ 90 ngày đến dưới 1 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tài bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-) loại trừ 0%	0	30%	0
+ Phải thu tài bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một nhà tài bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu). Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-) loại trừ 0%	0	50%	0
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho	670	25%	167
d) Tài sản khác	190,027	15%	28,504
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:	0		
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu	0	100%	0
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật	0	100%	0
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất	490	100%	490
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoán lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	79,439	100%	79,439
e) Phải thu phí bảo hiểm qua hạn từ 02 năm trở lên.	0	100%	0
f) Phải thu liên quan đến hoạt động nhân, nhượng tài bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tài bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên	0	100%	0
g) Các khoản đầu tư trợ lại cho các cổ đông (thành viên) góp vốn/người có liên quan quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	0	100%	0
h) Các tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực.	0	100%	0
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật	0	100%	0
k) Tài sản tài bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tài bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tài bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tài bảo hiểm	0	100%	0
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm chi nhánh nước ngoài	991,213		
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
- 25% tổng phí bảo hiểm thực giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	195,831		
- 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhân tài bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán	197,773		
7. So sánh 5 và 6:			
	- Theo số tuyệt đối		793,441
	- Theo tỷ lệ %		501,2%

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Chuyên gia tính toán
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Felicia

Felicia Er Mei Shern



TỔNG GIÁM ĐỐC
KUZUNO KATSUMI